

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH NƯỚC - QUỐC HỘI

Luật số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024

Luật Địa chất và khoáng sản

(Tiếp theo Công báo số 1533 + 1534)

Chương IX

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 89. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản bao gồm:

- Dữ liệu điều tra cơ bản địa chất;
- Dữ liệu điều tra địa chất về khoáng sản;
- Dữ liệu quan trắc, cảnh báo trong điều tra cơ bản địa chất, địa chất môi trường, tai biến địa chất;
- Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản;
- Kết quả của các chương trình, đề án, đề tài, dự án, nhiệm vụ trong quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về điều tra địa chất, khoáng sản;
- Kết quả thống kê, kiểm kê tài nguyên địa chất, khoáng sản;
- Dữ liệu khác liên quan đến điều tra địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong nước và quốc tế;
- Thông tin, dữ liệu về giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Thông tin, dữ liệu báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản; kết quả thanh tra, kiểm tra;
- Thông tin, dữ liệu về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;
- Thông tin, dữ liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Thông tin, dữ liệu về kết quả thăm dò khoáng sản;
- Mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng.

2. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản được thiết kế tổng thể và xây dựng thành hệ thống thống nhất trong cả nước, phục vụ đa mục tiêu, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế được công nhận tại Việt Nam; phục vụ xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản, bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản;
- b) Hạ tầng kỹ thuật số, hệ thống phần mềm, an toàn thông tin.

3. Cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản là tập hợp thống nhất toàn bộ kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, tài nguyên địa chất, khoáng sản; hoạt động khoáng sản trong phạm vi cả nước được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý đáp ứng yêu cầu truy nhập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các mẫu biểu thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

5. Chính phủ quy định việc xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

Điều 90. Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản

1. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản có trách nhiệm giao nộp báo cáo, tài liệu, mẫu vật sau đây:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

b) Tài liệu nguyên thủy thu thập trong quá trình thực hiện đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản;

c) Mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng thu thập được trong quá trình thực hiện đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản có trách nhiệm cung cấp định kỳ hoặc đột xuất thông tin về hoạt động khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất, khoáng sản thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; Bảo tàng địa chất và khoáng sản quy định tại Điều 93 của Luật này có trách nhiệm thu nhận, lưu trữ,

bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo tàng.

4. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu tài liệu, báo cáo; quy định danh mục, quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 91. Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật này phải được lưu trữ, bảo quản, bảo mật theo quy định của Luật này và pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Thời hạn lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Các loại thông tin, dữ liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản bị hư hỏng không thể phục chế hoặc hết giá trị sử dụng chỉ được tiêu hủy khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

Điều 92. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản bao gồm:

a) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan chủ quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

c) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân có mục đích khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phù hợp theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 93. Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; Bảo tàng địa chất và khoáng sản

1. Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản bao gồm:

- a) Kiểm tra, thu nhận các thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định;
- b) Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật về lưu trữ, quy định bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường bảo đảm đầy đủ, nguyên trạng, an toàn, dễ tra cứu sử dụng và đáp ứng các yêu cầu về chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ;
- c) Quản lý, bảo vệ an toàn kho lưu trữ tài liệu địa chất; cung cấp thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật về lưu trữ, an toàn thông tin mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan; vận hành cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

2. Bảo tàng địa chất và khoáng sản nằm trong hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, thuộc cơ quan quản lý về địa chất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có trách nhiệm sau đây:

- a) Lưu trữ, bảo quản các mẫu vật địa chất, khoáng sản được giao nộp;
- b) Giới thiệu di chỉ địa chất, di sản địa chất, công viên địa chất, bằng chứng quá trình phát sinh, phát triển vỏ trái đất và lịch sử hình thành, phát triển ngành địa chất Việt Nam;
- c) Trưng bày, giới thiệu các mẫu vật địa chất, khoáng sản để phục vụ công tác quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng.

Điều 94. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Sử dụng đúng mục đích thông tin, dữ liệu được cung cấp.
2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.
3. Không được chuyển thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản trái phép cho bên thứ ba.
4. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp.
5. Trả phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Luật này và pháp luật về phí, lệ phí.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.
7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Chương X
TÀI CHÍNH VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN VÀ ĐẤU GIÁ
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Mục 1
TÀI CHÍNH VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 95. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, hoạt động khoáng sản và thu hồi khoáng sản

1. Thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.
2. Tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư theo quy định của Luật này.
3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này.

Điều 96. Nguyên tắc xác định hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, bao gồm:

a) Các trường hợp do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Các trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đầu tư đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phục vụ đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

c) Các trường hợp khai thác nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên.

2. Các trường hợp không phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư bao gồm:

a) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có diện tích, ranh giới theo chiều sâu khu vực khai thác khoáng sản thuộc báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản chỉ xác định tài nguyên dự báo hoặc tương đương tài nguyên dự báo;

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp quy định tại Điều 75 của Luật này.

3. Chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản được phê duyệt bổ sung khi tăng trữ lượng khoáng sản được quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, trừ trường hợp khoáng sản ở thể lỏng, thể khí.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, phương thức hoàn trả, chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp xác định, các mẫu trong hồ sơ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

Điều 97. Hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản theo nguyên tắc sau đây:

a) Trong thời hạn ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này, việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư theo nguyên tắc tự thỏa thuận;

b) Sau thời hạn ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 108 của Luật này quyết định chi phí phải hoàn trả.

2. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản bị công bố phá sản, giải thể mà quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản không chuyển giao hợp pháp cho tổ chức, cá nhân khác thì việc xử lý quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản có nghĩa vụ chi trả kinh phí xác định chi phí phải hoàn trả cho đơn vị được giao nhiệm vụ xác định chi phí thăm dò khoáng sản.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký hoặc không nhận tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản đang có tranh chấp.

Điều 98. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Nhà nước thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá hoặc không đấu giá.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Thu hồi khoáng sản trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà khoáng sản thu hồi chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó;

b) Khối lượng khoáng sản nhóm III (trừ bùn khoáng, nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên và than bùn), khoáng sản nhóm IV được khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản sử dụng cho các hạng mục công trình của dự án khai thác đó hoặc chỉ được sử dụng cho các hạng mục công trình của đề án, phương án đóng cửa mỏ của mỏ khoáng sản đó;

c) Thu hồi khoáng sản trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của cá nhân hoặc nhóm người có chung quyền sử dụng đất để xây dựng các công trình trong diện tích đó.

Điều 99. Phương pháp xác định, phương thức thu, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo các căn cứ sau đây:

a) Trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác (lưu lượng khai thác đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên) quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác, thu hồi;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

2. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này được thu theo năm.

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế.

4. Việc quản lý tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 100. Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện ở các khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, khai thác khoáng sản nhóm IV trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được khoanh định để bảo đảm an ninh năng lượng; bảo đảm quốc phòng, an ninh, sử dụng hiệu quả

khoáng sản chiến lược, quan trọng; bảo đảm nguyên liệu, vật liệu cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Chính phủ quy định tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 101. Nguyên tắc đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo các nguyên tắc quy định của Luật Đấu giá tài sản và các nguyên tắc sau đây:

a) Chỉ tiến hành đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 108 của Luật này phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

b) Cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực đã được phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền cấp giấy phép của mình.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 102. Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền đặt cọc

1. Giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xác định bằng tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của khoáng sản cùng loại ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Bước giá được xác định tối thiểu là 1% và tối đa là 10% giá khởi điểm.

3. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được nhận lại tiền đặt cọc trong các trường hợp sau đây:

a) Đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản, trừ trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV;

b) Đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản, khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV;

c) Không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải do lỗi của tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV;

d) Không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản, khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV mà không phải do lỗi của tổ chức, cá nhân;

đ) Phải hoàn trả tiền đặt cọc do xử lý hậu quả pháp lý khi hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 104 của Luật này, tiền đặt cọc không được hoàn lại và được nộp vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết phương pháp xác định tiền đặt trước.

Điều 103. Điều kiện của tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Có hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật;

b) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 37 của Luật này đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản hoặc quy định tại Điều 53 của Luật này đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực tận thu khoáng sản, khai thác khoáng sản nhóm IV phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 53 của Luật này;

c) Đối với tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản tại thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên đối

với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được cấp;

d) Không thuộc trường hợp bị cấm tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

2. Tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được lựa chọn đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- b) Đã nộp tiền đặt trước theo quy định.

3. Chính phủ quy định hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quy định chi tiết và lộ trình thực hiện điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 104. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

a) Được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

b) Được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản sau khi hoàn thành thủ tục đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của Luật này;

c) Quyền khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có nghĩa vụ sau đây:

a) Trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, trừ trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV;

b) Trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản hoặc trúng đấu giá ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá

quyền khai thác khoáng sản, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận; trường hợp bất khả kháng hoặc khi có thay đổi về chính sách của Nhà nước dẫn đến không thể thực hiện thì được kéo dài nhưng không quá 12 tháng;

c) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Đầu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 105. Phương pháp xác định, phương thức thu, nộp, quản lý tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Phương pháp xác định, phương thức thu, nộp, quản lý tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện như đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đi kèm phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản sau khi đấu giá quyền khai thác khoáng sản và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, thu hồi được xác định bằng tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản cùng loại ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với loại khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản được áp dụng ổn định trong suốt thời gian khai thác khoáng sản, bao gồm cả thời gian điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Trường hợp khu vực khoáng sản khi đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã xác định được có từ 02 loại khoáng sản trở lên, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 108 của Luật này lựa chọn 01 loại khoáng sản để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các khoáng sản còn lại được xác định căn cứ theo tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này; quy định trình tự, thủ tục phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 106. Hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền trong trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 104 của Luật này;

b) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản mất quyền ưu tiên đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật này; mất quyền đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật này.

2. Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực trong trường hợp sau đây:

a) Kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản bị hủy theo quy định của Luật Đấu giá tài sản;

b) Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 52, chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều 52 của Luật này;

c) Các loại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi, chấm dứt hiệu lực theo quy định của Luật này, trừ trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền.

Chương XI **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** **VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN**

Điều 107. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổng hợp kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất; hoạt động khoáng sản; quản lý thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản;

b) Khoanh định và công bố các khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ; khoanh định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, danh mục khoáng sản chiến lược, quan trọng;

c) Tổ chức và chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước; giải quyết khiếu nại, tố cáo về địa chất, khoáng sản; xử lý vi phạm pháp luật về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

d) Đầu mối tổng hợp hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản;

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành quy chế phối hợp giữa các địa phương hoặc giữa địa phương với các Bộ, ngành trong quản lý nhà nước về khoáng sản;

b) Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất đối với đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương theo quy hoạch đã được phê duyệt;

c) Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương theo quy hoạch đã được phê duyệt;

d) Tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

đ) Tổ chức và chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về địa chất, khoáng sản và xử lý vi phạm pháp luật về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật; tổ chức việc kiểm soát, giám sát mọi hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản trên địa bàn;

e) Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; quản lý, bảo vệ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 66 và khoản 3 Điều 71 của Luật này;

g) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản ở trung ương về tình hình hoạt động địa chất, khoáng sản trên địa bàn;

h) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

5. Chính phủ quy định về kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản.

Điều 108. Thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép sau đây:

a) Giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II;

b) Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sau đây:

a) Giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III, giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;

b) Giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II và giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố;

c) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nào thì có quyền cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi, chấp thuận chuyển nhượng, trả lại, cấp đổi giấy phép đó; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này và điểm b khoản 2 Điều 111 của Luật này.

4. Chính phủ quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp mà trong quá trình thăm dò, khai thác phát hiện khoáng sản đi kèm có trữ lượng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Chương XII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 109. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan**

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 18/2023/QH15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 như sau:

“2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường khi thuộc trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Dự án đầu tư hoặc phương án khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản của tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công để phục vụ các dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thực hiện các biện pháp huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai, thi công các công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:

“3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được miễn giấy phép môi trường khi thuộc trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Dự án đầu tư hoặc phương án khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản của tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công để phục vụ các dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thực hiện các biện pháp huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai, thi công các công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.”;

c) Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 2 Điều 49 như sau:

“b1) Dự án đầu tư hoặc phương án khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản của tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công để phục vụ các dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thực hiện các biện pháp huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai, thi công các công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.”.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 44 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 28/2023/QH15.

3. Bãi bỏ Điều 14 của Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 18/2023/QH15.

Điều 110. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Điểm d khoản 1 Điều 6, Điều 72, Điều 73, Điều 74 và khoản 1 Điều 109 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

3. Điểm b khoản 2 Điều 111 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Luật này.

4. Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, các khoản 3, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 111 của Luật này.

Điều 111. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính về địa chất, khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa có kết quả giải quyết hồ sơ thì tổ chức, cá nhân được lựa chọn thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ hoặc theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, quyết định trong hoạt động khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được thực hiện như sau:

a) Tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn quy định trong giấy phép, quyết định trong hoạt động khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Trường hợp gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại, chuyển nhượng giấy phép hoạt động khoáng sản; phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản thì được thực hiện theo quy định của Luật này;

c) Đối với các giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật này, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác. Sau thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải tạm dừng khai thác cho đến

khi được cơ quan có thẩm quyền cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác đối với những trường hợp này.

3. Tổ chức, cá nhân được chấp thuận thu hồi khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn quy định trong văn bản chấp thuận.

4. Trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được phê duyệt trữ lượng, quyền ưu tiên đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 48 của Luật này, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Khu vực thăm dò đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản;
- b) Khu vực thăm dò đã có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận;
- c) Khu vực thăm dò khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

5. Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được xử lý như sau:

- a) Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt; trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành, chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư đối với phần trữ lượng gia tăng (nếu có) được xác định theo quy định của Luật này;
- b) Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả.

6. Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được tiếp tục thực hiện đến khi có quyết định thay thế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Quyết định về phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện và là văn bản tương đương với quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

8. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với khoáng sản than thuộc quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định điều chỉnh, bổ sung khoáng sản than vào quy hoạch khoáng sản nhóm I của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên căn cứ vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định thay thế.

9. Tại thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các giấy phép khai thác khoáng sản, văn bản cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản còn thời hạn khai thác, thu hồi hoặc đã hết thời hạn khai thác, thu hồi nhưng đủ điều kiện gia hạn, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, văn bản cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được tiếp tục thực hiện đến khi có quyết định thay thế của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được quyết toán lần đầu theo quy định của Luật này và được xác định theo trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025;

c) Trữ lượng, khối lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác, thu hồi tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 được phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này.

10. Các giấy phép khai thác tận thu khoáng sản cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này đối với khối lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác tại thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành.

11. Đối với các khu vực khoáng sản đã có quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trong quá trình thăm dò, khai thác sau khi đấu giá quyền khai thác khoáng sản phát hiện khoáng sản đi kèm và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, thu hồi thì tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các khoáng sản đi kèm được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 105 của Luật này.

12. Đối với các khu vực khoáng sản đang thực hiện quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa niêm yết, thông báo công khai, việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của Luật này./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn